

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 01/2019/LĐ-PT

Ngày 19-7-2019

V/v “*Tranh chấp về tiền lương và quyền lợi, chế độ của người lao động*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Viết Toàn;

Các Thẩm phán: Ông Giáp Bá Dự;

Ông Phan Tiến Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Sứ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLPT-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về: “*Tranh chấp về tiền lương và quyền lợi, chế độ của người lao động*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Kim C; địa chỉ: 13 đường B, thành phố S, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần L; địa chỉ: 38 D, phường H, thành phố S, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Hồ Viết H - Chức vụ: Phó phòng Hành chính tổ chức Công ty Cổ phần L; địa chỉ: 455 N, phường Đ, thành phố S, tỉnh Gia Lai. (Theo Giấy ủy quyền đề ngày 03/6/2019). (Có mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 7 năm 2018 và 26 tháng 7 năm 2018, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim C trình bày như sau:

Ngày 10/5/2012 chị được nhận vào công tác tại Công ty Cổ phần L (Trước đây là Công ty TNHH L) (Sau đây gọi là Công ty) với nhiệm vụ được phân công là thủ quỹ

kiêm văn thư tại Phòng T của Xí nghiệp Đ. Chiều ngày 26/01/2018 chị nhận được thông báo về việc tạm ngưng làm việc đối với cá nhân chị kể từ ngày 27/01/2018 đến hết ngày 26/02/2018 với lý do Phòng T đang sử dụng thừa lao động Hoàng Thị Kim C, mặc dù chị không có vi phạm gì trong quá trình công tác. Chị tìm hiểu và biết được nguyên nhân bị tạm ngưng công việc là do trong cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường của Công ty tổ chức vào ngày 23/01/2018 mà chị tham dự với tư cách là cổ đông, do thấy Đại hội diễn ra có nhiều vấn đề sai phạm không đúng quy định của pháp luật. Sáng ngày 27/02/2018 Công ty cổ phần L đã tiếp nhận chị làm việc lại và bố trí chị làm nhân viên Đội X kể từ ngày 27/02/2018. Chị hỏi các quyền lợi và chế độ trong thời gian tạm ngưng công việc thì Công ty nói sẽ có thông báo sau nhưng đến nay chị vẫn chưa nhận được thông báo về việc này. Ngày 19/3/2018 Công ty đã chuyển trả lương cho chị số tiền 3.584.435 đồng. Ngày 20/3/2018 chị có hỏi Ban giám đốc xí nghiệp về vấn đề lương và được trả lời là không có bảng chấm công mà chỉ làm theo công văn của Công ty. Khi bố trí công việc tại Đội Q từ đó đến nay chỉ có mỗi cá nhân chị được bố trí theo dõi tổ O tại xã A, thành phố S, điều kiện công việc thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và môi trường làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm và chị đã chấp hành thực hiện đầy đủ cũng như hoàn thành nhiệm vụ công việc được giao.

Để đảm bảo quyền lợi của người lao động, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Hủy bỏ thông báo số 03/TB-CTĐT ngày 26/01/2018 về việc tạm ngưng làm việc và Thông báo số 14/TB-CTĐT ngày 27/02/2018 về việc bố trí lao động tạm thời của Công ty cổ phần L đối với chị Hoàng Thị Kim C. Buộc Công ty cổ phần L giải quyết và xin lỗi chị Hoàng Thị Kim C trong thời gian tạm ngưng làm việc.

- Bồi thường, giải quyết tất cả các quyền lợi và chế độ của chị C trong thời gian tạm ngưng làm việc, cụ thể như sau:

- + Tiền lương khoán: 4.500.000 đồng (trừ đi tiền lương đã trả 3.584.435 đồng).

- + Tiền thưởng Tết năm 2018: 2.500.000 đồng.

- + Tiền làm ngày và đêm phục vụ Tết 2018: 580.000 đồng.

- + Tiền lương khoán chênh lệch thấp hơn giữa công việc thực tế đang được bố trí so với hợp đồng lao động từ ngày 27/02/2018 đến nay theo hệ số lương khoán khoảng 500.000 đồng/tháng.

- + Chế độ tiền lương, khoản phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động theo đúng quy định làm việc tại môi trường có nhiều yếu tố đặc biệt nguy hiểm, độc hại.

- Bố trí lại lao động cho chị C theo đúng hợp đồng lao động mà Công ty cổ phần L đã ký.

- Bồi thường thiệt hại về danh dự và nhân phẩm cho chị theo quy định tại Điều 592 của Bộ luật Dân sự với số tiền tương đương 10 tháng lương tối thiểu là 13.900.000 đồng.

Tại văn bản ngày 16 tháng 8 năm 2018, lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty cổ phần L trình bày:

Thời điểm cuối năm 2017 đầu năm 2018 Công ty cổ phần L thực hiện thoái vốn Nhà nước theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh

Gia Lai, chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần nên Công ty tiến hành rà soát, sắp xếp và tái cơ cấu lại mô hình tổ chức cho phù hợp với tình hình hiện tại, có chia tách, sáp nhập một số đơn vị, dẫn đến dôi dư một số lao động. Vì vậy, Công ty đã có thông báo số 03/TB-CTĐT ngày 26/01/2018 về việc tạm ngưng làm việc đối với bà Hoàng Thị Kim C là nhân viên Xí nghiệp Đ từ ngày 27/01/2018 đến hết ngày 26/02/2018 chờ bố trí công việc mới là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng lao động đã được ký kết giữa Công ty với bà C (tại khoản 2 Điều 4 Hợp đồng lao động số 08/2012/HĐLĐ-CTĐT giữa Công ty cổ phần L với bà Hoàng Thị Kim C quy định: *“Người sử dụng lao động có quyền chuyển tạm thời người lao động, tạm ngưng, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động và áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của pháp luật lao động”*). Do đó, việc bà C yêu cầu hủy bỏ thông báo số 03/TB-CTĐT ngày 26/01/2018 về việc tạm ngưng làm việc là không có cơ sở.

Ngày 27/02/2018, Công ty có Thông báo số 14/TB-CTĐT phân công tạm thời bà C về làm việc tại Đội X thuộc Xí nghiệp Đ từ ngày 27/02/2018 đến ngày 02/4/2018 là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 31 của Bộ luật lao động năm 2012 (khi gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, áp dụng biện pháp ngăn ngừa, khắc phục tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố điện nước, hoặc do nhu cầu sản xuất kinh doanh người sử dụng lao động được quyền chuyển tạm thời người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động nhưng không được quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong một năm, trừ trường hợp được sự đồng ý của người lao động). Do đó, yêu cầu hủy bỏ thông báo số 14/TB-CTĐT ngày 27/02/2018 về việc bố trí lao động tạm thời của bà C không có cơ sở.

Trong thời gian chờ bố trí công việc mới, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền bảo hiểm và tiền lương cho người lao động theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 3 Nghị định 122/2015/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu vùng. Lương tháng của người lao động trong Công ty được chia làm hai loại: Thứ nhất, là lương theo thời gian để thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động; Thứ hai, là lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng.

Lương tháng 02/2018 của bà C được thanh toán theo lương thời gian (là 3.642.338 đồng), vì từ ngày 27/01/2018 đến ngày 26/02/2018 bà C không làm việc nên không xác định được khối lượng công việc hoàn thành. Do đó, việc bà C yêu cầu Công ty cổ phần L thanh toán tiền lương khoán với mức lương 4.500.000 đồng từ ngày 27/01/2018 đến ngày 26/02/2018 là không có cơ sở.

Ngày 02/4/2018 Công ty có Quyết định số 49/QĐ-CTĐT về việc thành lập Đội X, lương theo quy định của Công ty tại Quyết định số 113/QĐ-CTĐT ngày 22/9/2017 về việc điều chỉnh tiền lương chi trả hàng tháng cho người lao động năm 2017, áp dụng từ ngày 01/9/2017. Đây là mức lương được áp dụng cho toàn bộ công nhân viên, người lao động của Công ty cổ phần L, đối với từng bộ phận, chức vụ, chức danh, công việc cụ thể đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật lao động về tiền lương. Thang bảng lương đã được Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai phê duyệt nên bà C yêu cầu Công ty thanh toán tiền chênh lệch giữa tiền lương cũ và tiền lương mới là không có cơ sở.

Bà C được bố trí làm việc tại Ban quản lý đội với chức vụ Nhân viên, nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng, theo dõi quản lý công việc hàng ngày, không phải là lao động trực tiếp. Theo quy định thì phải là lao động trực tiếp thì mới được hưởng tiền phụ cấp độc hại. Công ty không có thay đổi gì về chức vụ của bà C. Do đó, việc bà C yêu cầu thanh toán tiền phụ cấp độc hại, bố trí lại công việc theo đúng hợp đồng lao động đã ký là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu trả tiền thưởng tết năm 2018 là 2.500.000 đồng và tiền làm tăng ca tết năm 2018 là 580.000 đồng: Xuất phát từ công việc đặc thù của Công ty, một số cán bộ, nhân viên, người lao động tăng cường công tác phục vụ Tết nguyên đán 2018. Để khuyến khích và động viên công nhân, người lao động hăng say làm việc hiệu quả, Chủ tịch hội đồng quản trị chủ trương thưởng tiền làm tết cho cá nhân được điều động tham gia công tác phục vụ trong dịp tết năm 2018 (*có danh sách kèm theo*) chứ không phải là thưởng tết 2018 cho người lao động Công ty, bà C không tham gia công tác phục vụ dịp tết năm 2018 nên không có tiền này. Do đó, việc bà C yêu cầu Công ty thanh toán tiền thưởng tết năm 2018, tiền làm ngày và đêm phục vụ tết năm 2018 khi không tham gia phục vụ là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm cho bà C theo quy định tại Điều 592 của Bộ luật dân sự với số tiền 13.900.000 đồng là không có cơ sở vì Công ty không có vi phạm gì trong việc sử dụng lao động như bà C đã khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Áp dụng Điều 22, 23, 31, 44, 46, 98, 200 của Bộ luật Lao động; Điều 584, 585, 592 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Khoản 1, 5 Điều 32; điểm c Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 70, 91, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Kim C.

Buộc Công ty Cổ phần L xin lỗi chị Hoàng Thị Kim C vì tạm ngừng việc chị C theo Thông báo số 03/TB-CTĐT, ngày 26/01/2018 do có lỗi.

2. Bác các yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Kim C đối với các yêu cầu sau:

- Hủy bỏ Thông báo số 03/TB-CTĐT ngày 26/01/2018 về việc tạm ngưng làm việc và Thông báo số 14/TB-CTĐT ngày 27/02/2018 về việc bố trí lao động tạm thời của Công ty Cổ phần L đối với chị Hoàng Thị Kim C.

- Bồi thường, giải quyết tất cả các quyền lợi và chế độ của chị C trong thời gian tạm ngưng làm việc, cụ thể như sau:

+ Tiền lương khoán: 4.500.000 đồng (trừ đi tiền lương đã trả 3.584.435 đồng).

+ Tiền thưởng Tết năm 2018: 2.500.000 đồng.

+ Tiền làm ngày và đêm phục vụ Tết 2018: 580.000 đồng.

+ Tiền lương khoán chênh lệch thấp hơn giữa công việc thực tế đang được bố trí so với hợp đồng lao động từ ngày 27/02/2018 đến nay theo hệ số lương khoán khoảng 500.000 đồng/tháng.

+ Chế độ tiền lương, khoản phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động theo đúng quy định làm việc tại môi trường có nhiều yếu tố đặc biệt nguy hiểm, độc hại.

- Bố trí lại lao động cho chị C theo đúng hợp đồng lao động mà Công ty Cổ phần L đã ký.

- Bồi thường thiệt hại về danh dự và nhân phẩm cho chị C theo quy định tại Điều 592 của Bộ luật Dân sự với số tiền tương đương 10 tháng lương tối thiểu là 13.900.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/3/2019, nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và không rút kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn Công ty cổ phần L trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Hoàng Thị Kim C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim C, sửa Bản án sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, với nội dung: Buộc Công ty cổ phần L phải trả cho chị Hoàng Thị Kim C số tiền thưởng Tết năm 2018: 2.500.000 đồng, giữ nguyên các quyết định khác của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về tiền lương, chế độ thưởng tết, làm thêm phục vụ tết, chế độ phụ cấp độc hại, xin lỗi, bồi thường về danh dự nhân phẩm, sắp xếp bố trí lao động; bị đơn có địa chỉ trụ sở tại địa bàn thành phố S, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 32, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn chị Hoàng Thị Kim C:

[2.1] Xét giữa chị Hoàng Thị Kim C và Công ty cổ phần L (Trước đây là Công ty TNHH L) ký kết hợp đồng lao động số: 08/2012/HĐLĐ-CTĐT có thời hạn 01 năm, kể từ ngày 10/5/2012 đến ngày 09/5/2013. Tuy nhiên khi hết hạn hợp đồng, người lao động vẫn tiếp tục làm việc cho đến khi phát sinh tranh chấp nhưng hai bên không ký kết hợp

đồng lao động mới do đó hợp đồng lao động đã ký giữa chị Hoàng Thị Kim C và Công ty cổ phần L chuyển thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 của Bộ luật Lao động.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện hủy bỏ thông báo số 03/TB-CTĐT ngày 26/01/2018 về việc tạm ngưng làm việc đối với chị Hoàng Thị Kim C, thông báo số 14/TB-CTĐT ngày 27/02/2018 về việc bố trí lao động tạm thời của Công ty cổ phần L; Bố trí lại lao động cho chị C theo đúng hợp đồng lao động hai bên đã ký.

Xét thấy việc Công ty có thông báo về việc tạm ngưng làm việc đối với chị C trong vòng một tháng là thực hiện quyền hạn của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động, đến nay đã quá thời hạn thực hiện đồng thời do có thông báo tạm ngưng làm việc nên Công ty đã thanh toán tiền lương theo lương thời gian cho chị C. Người ký thông báo là Phó giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ theo phân công ủy quyền của giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc, đến nay Giám đốc Công ty cũng không có ý kiến gì về vấn đề này, nên đây là việc làm đúng thẩm quyền. Do đó việc hủy thông báo này là không có cơ sở. Đối với thông báo bố trí lao động tạm thời của Công ty từ ngày 27/02/2018 đến ngày 02/4/2018 bố trí chị C sang Đội X vẫn là nhân viên của đơn vị trực thuộc Xí nghiệp Đ là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng lao động hai bên đã ký kết. Như vậy việc bố trí lao động tạm thời đối với chị C là đúng quy định của pháp luật, vì vậy yêu cầu của chị C là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu Công ty phải bố trí lại lao động cho chị C theo đúng hợp đồng lao động mà Công ty cổ phần L đã ký. Xét thấy do thay đổi cơ cấu, chuyển đổi mô hình tổ chức và hoạt động, từ Công ty TNHH Một thành viên L thành Công ty cổ phần L; kiện toàn lại nhân sự, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, đến ngày 13/11/2018 Xí nghiệp Đ chấm dứt hoạt động, hiện nay Xí nghiệp Đ không còn, mà được sắp xếp đổi thành Đội Q. Vì vậy, việc Công ty sắp xếp lại nhân sự, người lao động theo phương án lao động đã được duyệt là phù hợp với quy định tại Điều 44 và Điều 46 của Bộ luật lao động và phù hợp với thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng lao động hai bên đã ký kết nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này.

[2.3] Xét yêu cầu bồi thường, giải quyết tất cả các quyền lợi và chế độ của chị C trong thời gian tạm ngưng làm việc, bổ chi làm công việc khác.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền lương chênh lệch giữa tiền lương khoán là 4.500.000 đồng sau trừ đi tiền lương đã nhận 3.584.435 đồng của thời gian ngưng việc từ 27/01/2018 đến 26/02/2018. Việc Công ty cho tạm ngưng việc làm đối với chị C là không phù hợp, không phải do lỗi của người lao động nên Công ty đã thanh toán tiền lương cho chị C theo đúng quy định tại Điều 98 của Bộ luật lao động. Khoản 1 Điều 98 Bộ luật lao động, quy định: Tiền lương ngừng việc, nếu do lỗi của người sử dụng lao động thì người lao động được trả đủ tiền lương. Khoản 1 Điều 26 Nghị định số: 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 hướng dẫn: *“Tiền lương làm căn cứ để trả cho người lao động trong thời gian ngừng việc tại khoản 1 Điều 98 của Bộ luật Lao động là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động khi người lao động phải ngừng việc và được tính tương ứng với hình thức trả lương theo thời gian quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này”*. Như vậy, tiền lương trong thời gian ngừng việc là tiền lương được tính theo thời gian không phải tính theo lương khoán, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với số tiền làm ngày và đêm phục vụ Tết 2018: 580.000 đồng. Xét thấy tiền làm ngày đêm phục vụ tết theo quy chế của Công ty là tiền làm thêm giờ cho người lao động thực tế có làm việc những ngày tết, chứ không phải là tiền thưởng cho cả năm làm việc, thời gian này chị C đang ngừng làm việc, không phục vụ tết nên không được hưởng khoản tiền này là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm chị C nhất trí chị không có làm việc những ngày tết, nên C không được hưởng số tiền này. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị C.

Đối với yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương khoán chênh lệch thấp hơn giữa công việc thực tế đang được bố trí so với hợp đồng lao động từ ngày 27/02/2018 đến nay theo hệ số lương khoán khoảng 500.000 đồng/tháng. Xét thấy theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng lao động giữa hai bên, thì tiền lương khoán công việc được hưởng: *“Theo đơn giá lương bộ phận lao động gián tiếp tại phương án tiền lương Công ty”*. Hơn nữa phương án tiền lương của Công ty sau khi cổ phần hóa đã được Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Gia Lai phê duyệt, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này.

Đối với yêu cầu Công ty phải chi trả các khoản phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động theo đúng quy định làm việc tại môi trường có nhiều yếu tố đặc biệt nguy hiểm, độc hại. Chị C là lao động gián tiếp thực hiện nhiệm vụ nhân viên của Đội quản lý phương tiện cơ giới và xử lý rác thải, không phải công nhân trực tiếp, Công ty đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và nội quy quy chế của Công ty nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự và nhân phẩm cho chị C theo quy định tại Điều 592 của Bộ luật Dân sự đối với thời gian ngừng việc với số tiền tương đương 10 tháng lương tối thiểu. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ lao động giữa chị C và Công ty được xác lập trên cơ sở hợp đồng lao động và việc tạm hoãn, ngừng việc đối với người lao động là quyền hạn và nghĩa vụ của người sử dụng lao động; Công ty cho chị tạm ngừng công việc đang làm nhưng vẫn trả lương cho chị C; Công ty không có hành vi nào thực hiện xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị C đồng thời chị C không có chứng cứ chứng minh Công ty đã xúc phạm đến nhân phẩm danh dự, gây thiệt hại tổn thất tinh thần. Do đó, không có cơ sở để buộc Công ty phải bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu Công ty phải xin lỗi vì đã cho ngừng việc có lỗi của người sử dụng lao động. Hội đồng xét xử thấy, Công ty đã thừa nhận việc ngừng việc là có lỗi của người sử dụng lao động và đã thực hiện đầy đủ các quyền lợi nghĩa vụ cho người lao động, trả lương trong thời gian ngừng việc theo quy định tại khoản 1 Điều 98 của Bộ luật Lao động. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở, nên Công ty cổ phần L cần phải xin lỗi người lao động.

Đối với yêu cầu Công ty thanh toán tiền thưởng Tết năm 2018: 2.500.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Điều 4 của Nghị quyết số 13/QN-HĐQT ngày 21/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần L, đã nêu rõ: *“Thống nhất chi thưởng Tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 cho toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty cổ phần L, mức chi: 2.500.000 đồng/người (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)”*. Đối với chị C là người cán bộ, công nhân viên của Công ty, tại thời điểm đó chị C mới chỉ đang tạm ngừng việc, để bố trí công việc mới. Nên Công ty phải thanh toán tiền thưởng

tết năm 2018 cho chị Hoàng Thị Kim C. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét chấp nhận yêu cầu này của chị C là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn của chị C.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của chị C, sửa bản án dân sự sơ thẩm nhằm đảm bảo quyền lợi của đương sự trong vụ án.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu tiền án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận tương đương vụ án không có giá ngạch và án phí dân sự có giá ngạch,

Nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm, do được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm đối với các yêu cầu về bồi thường, tiền lương, chế độ của người lao động theo đơn miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí của chị C là phù hợp quy định của pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị đơn chị Hoàng Thị Kim C không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng danh mục án phí lao động tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Hoàng Thị Kim C.

Sửa bản án sơ thẩm thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Kim C.

Buộc Công ty cổ phần Công trình đô thị Gia Lai xin lỗi chị Hoàng Thị Kim C vì tạm ngừng việc chị C theo Thông báo số 03/TB-CTĐT, ngày 26/01/2018.

Buộc Công ty cổ phần L phải trả cho chị Hoàng Thị Kim C số tiền thưởng Tết năm 2018: 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Bác các yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Kim C như sau:

- Hủy bỏ Thông báo số 03/TB-CTĐT ngày 26/01/2018 về việc tạm ngưng làm việc và Thông báo số 14/TB-CTĐT ngày 27/02/2018 về việc bố trí lao động tạm thời của Công ty Cổ phần L đối với chị Hoàng Thị Kim C.

- Bồi thường, giải quyết tất cả các quyền lợi và chế độ của chị C trong thời gian tạm ngưng làm việc, cụ thể như sau:

+ Tiền lương khoán: 4.500.000 đồng (trừ đi tiền lương đã trả 3.584.435 đồng).

+ Tiền làm ngày và đêm phục vụ Tết 2018: 580.000 đồng.

+ Tiền lương khoán chênh lệch thấp hơn giữa công việc thực tế đang được bố trí so với hợp đồng lao động từ ngày 27/02/2018 đến nay theo hệ số lương khoán khoảng 500.000 đồng/tháng.

+ Chế độ tiền lương, khoản phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động theo đúng quy định làm việc tại môi trường có nhiều yếu tố đặc biệt nguy hiểm, độc hại.

- Bố trí lại lao động cho chị C theo đúng hợp đồng lao động mà Công ty Cổ phần L đã ký.

- Bồi thường thiệt hại về danh dự và nhân phẩm cho chị C theo quy định tại Điều 592 của Bộ luật Dân sự với số tiền tương đương 10 tháng lương tối thiểu là 13.900.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1- Án phí sơ thẩm:

Buộc Công ty cổ phần L phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí lao động sơ thẩm, trong đó: 300.000 đồng án phí dân sự đối với yêu cầu không có giá ngạch và 300.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả lại chị Hoàng Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp theo biên lai số: 0003922, ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pkeiku, tỉnh Gia Lai.

3.2- Án phí phúc thẩm:

Chị Hoàng Thị Kim C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả lại cho chị Hoàng Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001232 ngày 29-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND thành phố Pleiku;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THA dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Toà DS, Tổ thụ lý, Văn thư.

Hà Viết Toàn